TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1211/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28/08/2026
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Ba.

Bà Đỗ Thị Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 648/2026/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 140/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 51/2026/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Anh Hoàng Văn G**, sinh năm 1984.

CCCD số: 001084074348, cấp ngày 04/10/2025.

Nơi cư trú: Thôn X, xã Đ, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Thu T**, sinh năm 1983.

CCCD số: 001183018309, cấp ngày 08/10/2025.

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, thành phố Hà Nội.

Có mặt G, vắng mặt chị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/03/2026 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Hoàng Văn G trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thu T tìm hiểu nhau khoảng hai năm rồi kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: UBND xã Đ, thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 ngày 11/01/2008. Sau khi kết hôn, chị T chuyển về sống chung cùng gia đình anh G tại thôn X, xã Đ, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, nhiều lần chị T đi 3-4 ngày không về nhà, không quan tâm gì đến chồng con, mọi chi tiêu sinh hoạt, cơm nước trong gia đình đều do anh lo lắng. Anh và gia đình đã khuyên nhủ rất nhiều nhưng chị T không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng không giải quyết được, vợ chồng anh đã sống ly thân từ khoảng tháng 6/2021 đến nay, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau. Trước khi gửi đơn ly hôn, anh cũng nhiều lần nói chuyện với chị T mong hai vợ chồng chia tay trong văn minh nhưng chị T không hợp tác. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng nhiều lần triệu tập chị T nhưng chị T đều từ chối không nhận. Nay anh xác định không còn tình cảm gì với chị T, cuộc sống chung không hạnh phúc, đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn chị T để anh sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Hoàng Thảo L, sinh ngày 13/01/2009 và Hoàng Phúc N, sinh ngày 08/03/2014, hiện các con khỏe mạnh đang ở với vợ chồng anh. Ly hôn đặt ra, anh xin nuôi con và không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh là nhân viên làm việc tại Công ty Cổ phần H, thu nhập bình quân của anh là 50.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, đất nông nghiệp, nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp: Anh xác định chị T tuy sống chung cùng gia đình anh nhưng không có đóng góp gì nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thu T:***

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và nhiều lần triệu tập chị T nhưng chị T không đến Tòa làm việc. Tòa án đã phối hợp với UBND xã Đ đến nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú của chị T nhưng chị T vắng nhà nên Tòa án không lấy được lời khai của chị T.

Tiến hành xác minh tại địa phương, nơi anh G và chị T sinh sống thể hiện: Năm 2008, anh G và chị T kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là: UBND xã Đ, thành phố Hà Nội). Sau khi kết hôn, chị T về sống cùng gia đình anh G tại thôn X, xã Đ, thành phố Hà Nội. Gần đây, anh G và chị T phát sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể thì địa phương không nắm được do anh G và chị T không có đơn yêu cầu địa phương can thiệp, hòa giải. Hiện chị T vẫn đang sống cùng gia đình anh G, sáng đi làm, tối về nhà.

Đối với các văn bản gồm: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, địa phương đã đến giao nhiều lần nhưng chị T không nhận với lý do chị không làm đơn ly hôn.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn G. Cho anh Hoàng Văn G ly hôn với chị Nguyễn Thị Thu T.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Thảo L, sinh ngày 13/01/2009 và Hoàng Phúc N, sinh ngày 08/03/2014 cho anh Hoàng Văn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thu T có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại thôn X, xã Đ, thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Hà Nội giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho chị T nhưng tại phiên tòa hôm nay, chị T vắng mặt không lý do. Vì vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn G và chị Nguyễn Thị Thu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện S, thành phố Hà Nội (nay là UBND xã Đ), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 01 ngày 11/01/2008. Hôn nhân giữa anh G và chị T là hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của anh G cũng như các tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Sau khi kết hôn, anh G và chị Thủy C sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm và chia sẻ được với nhau các vấn đề trong cuộc sống, anh G và chị T đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc gì nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhiều lần triệu tập và tiến hành hòa giải cho anh G và chị T nhưng chị T đều vắng mặt, thể hiện thái độ bỏ mặc, không hợp tác nên Tòa án không hòa giải được. Đồng thời qua xác minh tại địa phương, nơi anh chị cư trú thấy rằng, mâu thuẫn giữa anh G, chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh G đối với chị T là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Anh G và chị T có 02 con chung là Hoàng Thảo L, sinh ngày 13/01/2009 và Hoàng Phúc N, sinh ngày 08/03/2014.

Xét yêu cầu xin nuôi 02 con của anh G, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không lấy được lời khai của chị T nên không xác định được quan điểm của chị T về vấn đề con chung. Tuy nhiên căn cứ vào điều kiện

thực tế thì cháu L và cháu N hiện đang sinh sống ổn định cùng anh G, bản thân anh G có nơi cư trú và thu nhập ổn định để đảm bảo cuộc sống của bản thân và nuôi con, đồng thời cháu L, cháu N đều có nguyện vọng sống cùng bố. Vì vậy để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần, tránh những xáo trộn không cần thiết ảnh hưởng đến tâm lý trẻ nên giao cháu L và cháu N cho anh G trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Tuy nhiên, anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của anh G không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về án phí: Anh G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của tại Điều 143, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điều 143, 147, 227, 267, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Điều 25, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xö:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn G. Cho anh Hoàng Văn G ly hôn chị Nguyễn Thị Thu T.

2. Về con chung: Anh Hoàng Văn G và chị Nguyễn Thị Thu T có 02 con chung là Hoàng Thảo L, sinh ngày 13/01/2009 và Hoàng Phúc N, sinh ngày 08/03/2014.

Giao con chung là Hoàng Thảo L và Hoàng Phúc N cho anh Hoàng Văn G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có bản án/quyết định có hiệu lực pháp luật khác của Tòa án thay thế.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Văn G không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Thu T được quyền thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, đất sản xuất nông nghiệp, nợ chung và công sức đóng góp: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Hoàng Văn G không yêu cầu Tòa giải quyết.

4. Về án phí: Anh Hoàng Văn G phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0012201 BLTU/26E ngày 21/05/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

5. Về quyền kháng cáo: Anh Hoàng Văn G có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Nguyễn Thị Thu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự./.

Nơi nhận
- Đương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- THADS thành phố Hà Nội;
- UBND xã Đa Phúc, thành phố Hà Nội;
(Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 11/01/2008 của UBND xã Xuân Thu, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội);
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hồng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Hồng